

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2019
“Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thắng.

2. Bà Bùi Thị Diễm.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 298/2019/TLST-HNGĐ, ngày 26/8/2019 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Châu E, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh T. Có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1985. Nơi ĐKKHKT: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh T. Tạm trú: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh T. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2019 và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Châu E là nguyên đơn trình bày: anh và chị H tự quen biết nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên cho anh chị tiến tới hôn nhân và tổ chức lễ cưới vào năm 2008, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh T vào ngày 12/5/2008. Nữ trang cưới gồm có 01 đôi bông tai 01 chỉ, sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24Kra. Tất cả số nữ trang này vợ chồng đã đồng ý bán hết hiện nay không còn.

Sau ngày cưới vợ chồng anh về sống chung với gia đình cha mẹ ruột anh, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Từ đó xảy ra mâu

thuần trong sinh hoạt vợ chồng hằng ngày, gia đình không hạnh phúc và hai vợ chồng ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay không hàn gắn được.

Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 09/01/2010 hiện nay đang sống với chị H.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc H.

- Về con chung gồm 01 người hiện nay đang sống với chị H. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con, sống với cha hoặc mẹ đều được. Nếu con sống với anh thì anh nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; nếu con sống với chị H thì do chị H nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng và cấp dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Ngọc H là bị đơn trình bày: do mai mối chị và anh Châu E đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm nào chị không nhớ rõ, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh T.

Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng khoảng 02 năm nay thì vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến hai bên thường xuyên cự cãi nhau, từ đó vợ chồng không sống chung với nhau nữa và đã ly thân nhau 02 năm nay.

Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 01 người tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 09/01/2010 hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Châu E.

- Về con chung gồm 01 người hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con, sống với cha hoặc mẹ đều được. Nếu con sống với chị thì chị nuôi dưỡng và yêu cầu anh Châu E cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng và cấp cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Ngọc Minh T trình bày: cháu là con của ông Nguyễn Châu E và bà Nguyễn Ngọc H. Sau khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Nguyễn Ngọc H.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân, về con chung và không có cung cấp chứng cứ mới tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Ngọc H là bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: anh Nguyễn Châu E có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết việc hôn nhân của anh. Theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Châu E và chị Nguyễn Ngọc H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2008. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh vào ngày 12/5/2008 nên hôn nhân giữa anh Châu E và chị H là hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng phát sinh trầm trọng không khắc phục được, những mâu thuẫn của vợ chồng được anh Châu E thừa nhận trong đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa, chị H vắng mặt nhưng có lời trình bày những mâu thuẫn của vợ chồng tại bản tự khai ngày 11/9/2019 chị thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được và vợ chồng đã ly thân nhau hơn 02 năm nay không hàn gắn được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Châu E và chị H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, Điều 19 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng; vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Đối với hôn nhân giữa anh Châu E và chị H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đến nay hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, không còn sống chung với nhau nữa, không còn quan tâm chăm sóc, lẫn nhau. Tại phiên tòa anh Châu E xác định không còn tình cảm thương yêu chị H nữa, tình cảm vợ chồng đã chấm dứt. Từ những phân tích trên chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Châu E và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Châu E xin được ly hôn, chị H chị cũng đồng ý; việc thuận tình ly hôn giữa anh Châu E và chị H là hoàn toàn tự nguyện có căn cứ phù hợp tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 09/01/2010 hiện đang sống với chị H. Giữa anh Châu E và chị H đều thống nhất yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con, con sống với ai thì người đó chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy từ khi anh Châu E và chị H ly thân cho đến nay, cháu T sống với chị H và do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi của con về mọi mặt trong cuộc sống và hiện nay cháu T có cuộc sống ổn định và nguyện vọng của cháu T mong muốn được sống chung với chị H sau khi cha mẹ ly hôn, từ đó nghĩ nên chấp nhận theo sự thỏa thuận của anh Châu E và chị H và theo nguyện vọng của cháu T nên công nhận cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 09/01/2010.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị H yêu cầu anh Châu E cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng và cấp cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; anh Châu E đồng ý với yêu cầu của chị H về cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự tự nguyện của anh Châu E về cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ phù hợp với Điều 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Do đó, về cấp dưỡng nuôi con, anh Châu E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng và cấp cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung: hai bên không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: hai bên xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: buộc anh Châu E có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật. Chị H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 55, 81, 82, 83, 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Châu E.

[1] Về quan hệ hôn nhân: cho anh Nguyễn Châu E được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc H.

[2] Về con chung: Công nhận cho chị Nguyễn Ngọc H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 09/01/2010.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Châu E cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng và cấp cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Minh T tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: hai bên không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả: hai bên xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Châu E có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0003843, ngày 22/8/2019 do anh Châu E nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Anh Châu E đã nộp đủ tiền án phí.

[7] Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Châu E có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Nguyễn Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Huyền Hội;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Nhung